



AGIFISH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông tin chung

Tình hình hoạt động trong năm

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Quản trị Công ty

Báo cáo tài chính

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư !

Năm 2013, ngành thủy sản Việt Nam nói chung vẫn chưa thoát khỏi những khó khăn nội tại lẫn thị trường xuất khẩu. Với cá tra, người nuôi liên tục bị thua lỗ, diện tích thả nuôi trong dân dần bị thu hẹp. Ước tính có khoảng 70% người nuôi cá độc lập đã ngừng sản xuất trong 2 năm qua. Doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cũng lao đao do sức mua kém, giá cá có xu hướng giảm, các thị trường chính hầu như chững lại, liên tục đối diện vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ với mức thuế cao và hầu hết thiếu vốn sản xuất... Cộng đồng các doanh nghiệp sản xuất và chế biến cá tra đã và đang trải qua cuộc sàng lọc khắc nghiệt để tồn tại và phát triển trong những “ nghịch lý khó hiểu.” như phát biểu của Mike Urch – Biên tập viên cộng tác của Seafood Source . Đó là sản phẩm cá tra thịt trắng, thơm ngon được người tiêu dùng các nước ưa chuộng. Cá tra được nuôi tại các Trại nuôi áp dụng nhiều tiêu chuẩn quốc tế khác nhau theo tùy theo yêu cầu của các nước nhập khẩu như : Global Gap, ASC, BMP...Tại các nhà máy chế biến, cá tra được kiểm tra chất lượng nhiều hơn bất kỳ loài cá nào với khoảng 27 thông số mới được thanh tra các nước EU chấp nhận, nhưng nhiều nhà nhập khẩu Châu Âu chỉ quan tâm làm sao trả giá thấp đối với sản phẩm này, và thực tế hiện nay cá tra lại có quá ít chỗ đứng trên thị trường Châu Âu, nhất là Bắc Âu. Riêng thị trường Mỹ, cá tra bị áp thuế bán phá giá rất cao tại POR9 từ 0,42 đến 2,15 USD/kg, ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu cá tra vào thị trường này của các doanh nghiệp Việt Nam.

Phân tích tình hình chung của ngành sản xuất chế biến xuất khẩu cá tra như thế mới thấy rõ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Agifish đặc biệt có ý nghĩa. Các chỉ tiêu như sản lượng, kim ngạch xuất khẩu, doanh thu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, trừ chỉ tiêu lợi nhuận là không đạt do chi phí đầu vào tăng nhưng giá bán có xu hướng giảm. Ngoài Xí nghiệp chế biến thực phẩm còn trong quá trình sửa chữa và hoàn thiện, các Xí Nghiệp đông lạnh khác đã được cải tạo, nâng cấp đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình sản xuất được điều chỉnh hợp lý để tăng năng suất lao động, giảm định mức và tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm thực hiện nghiêm chỉnh qua các hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ. Thực hiện tiêu chuẩn quốc tế ASC cho vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty. Công tác thống kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát hàng tồn kho thực hiện tốt, đảm bảo đúng quy trình luân chuyển hàng hoá. Với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt trên 110 triệu USD, thị trường Mỹ vẫn là thị trường lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 65,23%), Tây Âu 9,10 %, Đông Âu và Nga 3,81%, Nam Mỹ 0,22%, Trung Đông 4,36%, Úc 7,74%, Châu Á 9,53%.

Tình hình tài chính lành mạnh, công tác quản lý tài chính trong toàn Công ty ngày càng chặt chẽ hơn, việc hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đề ra, đã nâng cao uy tín của Agifish trên thị trường chứng khoán, tăng cường nguồn lực tài chính để Công ty triển khai các dự án phát triển trong những năm sắp tới.

Bước sang năm 2014, tình hình khó khăn vẫn còn, thiếu hụt cá nguyên liệu ngày càng trầm trọng. Nhưng nếu chúng ta chủ động được nguyên liệu, làm tốt công tác thị trường, tăng cường bán buôn thì cũng là cơ hội tốt để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao do hiện nay nhiều doanh nghiệp không trụ vững được do thiếu vốn lẫn nguồn nguyên liệu do người dân treo ao mà doanh nghiệp lại không đủ nguồn lực để tự thả nuôi. Chúng ta tiếp tục triển khai dự án phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu của Công ty lên 120 – 150 ha, đáp ứng được 70% - 80% nhu cầu nguyên liệu đạt tiêu chuẩn ASC, Global GAP... cho các Xí nghiệp đông lạnh bằng các hình thức Công ty tự nuôi và liên kết với các hộ ngư dân. Các nhà máy nỗ lực tăng năng suất, sản lượng để giảm chi phí sản xuất từ 10- 20%, ổn định chất lượng sản phẩm. Xây dựng danh mục hàng giá trị gia tăng có ưu thế cạnh tranh để định hướng phát triển sản phẩm giá trị gia tăng cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Cùng cố và phát triển

các thị trường truyền thống bằng chất lượng và giá thành cạnh tranh, quan tâm phát triển mạnh hơn nữa các thị trường Nam Mỹ, Đông Âu, Trung Quốc... Kinh tế thế giới được dự báo là có triển vọng hồi phục, thị trường xuất khẩu cá tra Việt Nam sẽ khởi sắc hơn.

Trong tương lai không xa, khi Hiệp định thương mại Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết, hàng hoá Việt Nam sẽ được hưởng lợi trong đó có thủy sản thì cơ hội phát triển của các doanh nghiệp sản xuất chế biến thủy sản Việt Nam nói chung cũng sẽ được rộng mở. Tuy nhiên, không ít thử thách cần phải vượt qua với những hàng rào kỹ thuật phi thuế quan nhằm ngăn cản thủy sản Việt Nam. Những ngày đầu tháng 2/2014 vừa qua, việc Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Luật Nông trại, trong dự luật này có điều khoản chuyển chức năng giám sát cá da trơn từ Cơ quan Quản lý dược phẩm và thực phẩm (FDA) sang Bộ Nông nghiệp (USDA). Đây được coi là hàng rào kỹ thuật nhằm bảo vệ lợi ích người nuôi cá da trơn của Mỹ nhưng gây khó cho cá tra, cá ba sa xuất khẩu của Việt Nam bởi khi USDA tiếp quản chức năng này thì cơ quan này sẽ áp dụng những tiêu chuẩn gắt gao hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu tương đương như áp dụng cho các sản phẩm cá da trơn nội địa.

Vì vậy, với định hướng phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, mở rộng vùng nuôi và tăng cường hợp tác với các công ty liên kết của AGF trong hệ thống tập đoàn Hùng Vương: Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương, Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Việt Thắng... trên phương diện chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tài chính, thức ăn cho cá cũng như chế biến các phụ phẩm từ cá nhằm tổ chức tốt chế biến xuất khẩu, tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận, giảm bớt chi phí trung gian, nâng cao năng lực cạnh tranh là hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành thủy sản, phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thành công tốt đẹp, kính chúc toàn thể cổ đông, các nhà đầu tư, cán bộ quản lý, công nhân lao động cùng gia đình nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company

Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600583588 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 19, ngày 08 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An giang cấp

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số: 4.01.1.001/GP do Bộ Thương Mại cấp ngày 29/05/1995.

Vốn điều lệ: 255.544.500.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.763) 852 939 – 852 368 Fax: (84.763) 852 202

E.mail: agifish.co@agifish.com.vn

Website: www.agifish.com.vn

Mã cổ phiếu: AGF

2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002.

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, ISO 9001:2008, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005, ISO 14001:2004. Tiêu chuẩn ASC cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu của Công ty.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2013 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia 2012” (Vietnam Value) liên tục trong các năm 2008, 2010, 2012.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang là một trong những nhà chế biến và xuất khẩu cá tra, cá basa đầu tiên tại Đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua gần 30 năm phát triển, Công ty hiện nay là một trong những doanh nghiệp đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu thủy sản, với năng lực chế biến đạt trên 30.000 tấn thành phẩm/năm, các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Châu Âu; Châu Á, Úc, Đông Âu và Nga; Trung Đông; Nam Mỹ...

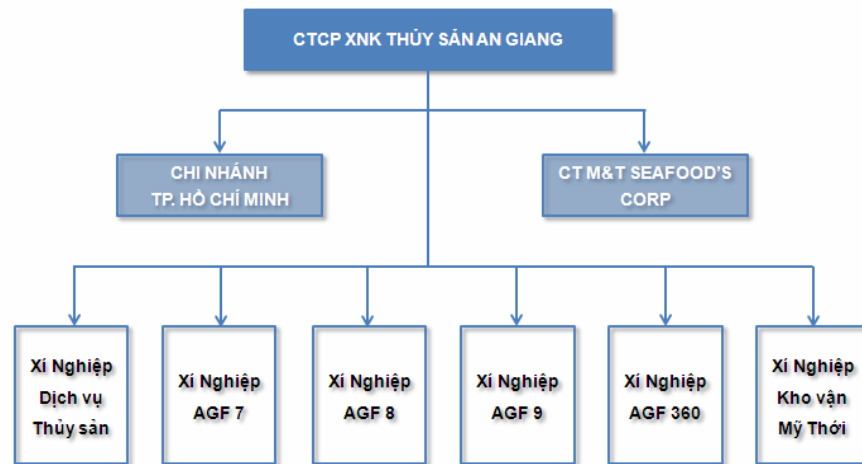
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm. Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá	1020 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Mua bán vật tư nguyên liệu, hoá chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại) Chi tiết : Mua bán thuốc thú y, thủy sản Chi tiết : Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	4669
3	Bán buôn đồ uống Chi tiết : Mua bán đồ uống các loại	4633
4	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết : Sản xuất thuốc thú y, thủy sản	2100
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản Chi tiết : Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	1080
6	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết : Lắp đặt hệ thống cơ điện Chi tiết : Lắp đặt điện trong nhà	4321
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết : Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hoà cấp nhiệt Chi tiết : Lắp đặt hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hoà trung tâm Chi tiết : Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hoà không khí Chi tiết : Lắp đặt ống nước, thoát nước, bơm nước	4322

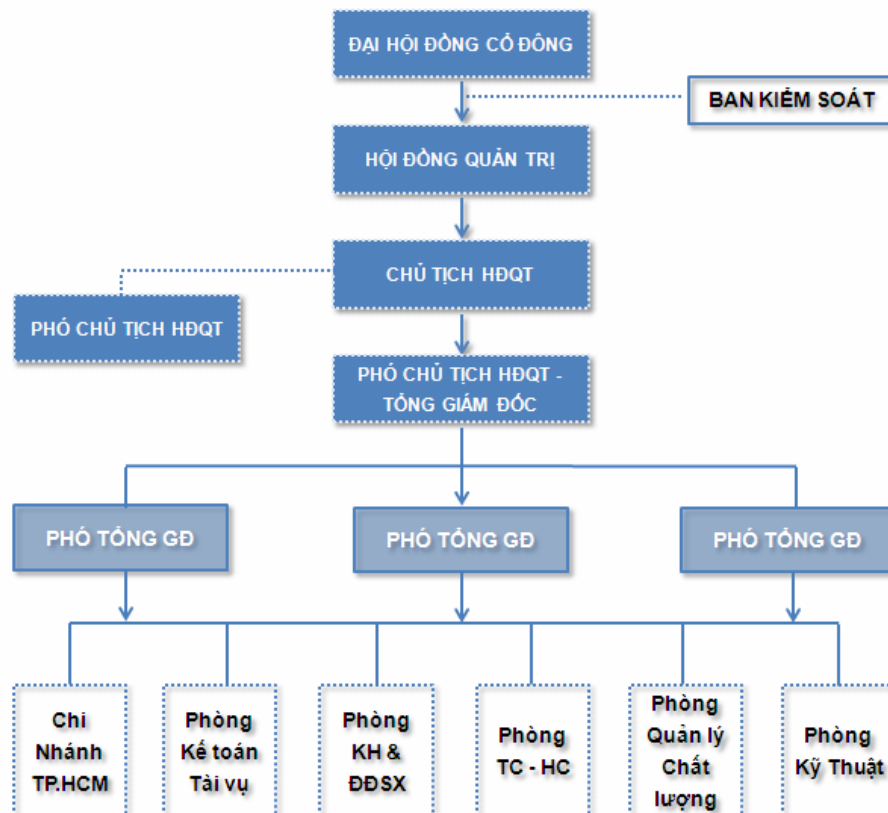
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản	2599
9	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết : Nuôi thủy sản	0322
10	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết : San lấp mặt bằng	4312
11	Xây dựng nhà các loại Chi tiết : Xây dựng công trình dân dụng	4100
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp	4390
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Mua bán vật tư thiết bị cấp nước trong nhà Chi tiết : Mua bán vật tư thiết bị, dụng cụ hệ thống điện	4659
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (Doanh nghiệp phải đảm bảo suốt quá trình hoạt động, vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 6 (sáu) tỷ đồng) Chi tiết : Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê	6810
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ nhà đất	8299
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết : Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thủy sản	5210
17	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết : Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
18	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết : Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ	7710
19	Bán buôn thực phẩm	4632

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

a. Cơ cấu tổ chức của Công ty



b. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3852 368 – 3852 939 Fax: (84.76) 3852 202

Chi nhánh Công ty tại TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3825 1100 – (84.8) 3829 9767 Fax: (84.8) 3822 5022

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3854 241

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3836 221 Fax: (84.76) 3836 254

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3958999 Fax: (84.76) 3958888

Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3857 590

Xí nghiệp dịch vụ thủy sản

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (84.76) 395408

Xí nghiệp Kho vận Mỹ Thới

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (84.76) 3930378

- Các Công ty có liên quan :

- Công ty mẹ: Công ty cổ phần Hùng Vương
Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 51,41%

- Công ty con : Công ty M&T Seafood's Corp
Địa chỉ: 224 Cheris Drive, San Jose City, California, USA.
Tỷ lệ nắm giữ : 100 %
Vốn đầu tư 200.148,47 USD.
Ngành nghề kinh doanh chính : đầu mối phân phối, xuất nhập khẩu, bán, tiếp thị các sản phẩm thủy hải sản, thực phẩm và các mặt hàng tổng hợp khác.
- Công ty liên kết : Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN)
Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 20,35%
Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ vệ sinh nhà cửa, kinh doanh nhà, hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở), dịch vụ sửa chữa nhà, dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng....

5. Định hướng phát triển

- Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao tay nghề công nhân, thường xuyên quan tâm, chăm lo người lao động về vật chất, tinh thần bảo đảm đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động
- Quản lý chất lượng cá nuôi kết hợp bảo vệ môi trường theo các tiêu chuẩn quốc tế; sản phẩm cá tra, basa Agifish đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải gắn chặt với nhu cầu thị trường; sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư ngoài ngành; tiết giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

6. Các rủi ro:

- **Thị trường xuất khẩu:** Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu và Úc. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt và mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Agifish đang áp dụng các hệ thống quản lý: HACCP; ISO 17025: 2005; Global Standard For Food Safety (BRC); HALAL; ASC vào trong toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất chế biến để luôn đảm bảo cung cấp những sản phẩm chất lượng. Công ty luôn cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng

để kịp thời chuẩn bị và đáp ứng về hệ thống, cũng như có chính sách điều chỉnh phù hợp cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

- **Thuế chống phá giá:** Mỹ là thị trường quan trọng của Công ty, đóng góp trên 40% vào tổng doanh thu xuất khẩu hàng năm. Các sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ thường phải trải qua các đợt xem xét mức thuế chống bán phá giá định kỳ. Bất cứ sự tăng thuế nào cũng làm giảm sức cạnh tranh của Công ty, do Công ty sẽ phải tăng giá bán theo một mức độ nào đó để bảo đảm mức lợi nhuận cho Công ty.
- **Nguyên vật liệu:** Cá tra, cá basa là nguồn nguyên liệu chính của Agifish, được cung cấp từ (i) các vùng nuôi của Công ty; (ii) hợp tác nuôi với một số hộ nuôi lâu năm có kỹ thuật, kinh nghiệm và năng lực tài chính và (iii) ký hợp đồng mua cá từ người nuôi.

Việc đối mặt với sự cạnh tranh thu mua nguyên liệu từ các đơn vị khác. Những biến động về giá và sự khan hiếm nguồn nguyên liệu, gây ra sự tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty xây dựng chính sách dự trữ hợp lý để giảm rủi ro thiếu hụt nguồn nguyên liệu.

- **Nguồn nhân lực:** Các công ty chế biến thủy sản luôn cần một đội ngũ lao động khá lớn so với các công ty khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất và chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động trong lĩnh vực này thường xuyên diễn ra ở mức độ cao. Để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt lao động, Công ty luôn có những chính sách đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ công nhân viên, tạo môi trường làm việc và phúc lợi tốt nhất. Đồng thời thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ tay nghề.
- **Sức ép cạnh tranh:** Việt Nam hiện nay đóng góp khoảng 95% sản lượng cá tra toàn cầu với 160 doanh nghiệp hoạt động trong ngành. 160 doanh nghiệp này thường cạnh tranh gay gắt với nhau, nên mặc dù VASEP đã có quy định mức giá sàn, nhiều doanh nghiệp vẫn chủ động hạ giá bán thấp hơn để cạnh tranh, ảnh hưởng đến giá xuất khẩu của AGF nói riêng và ngành xuất khẩu cá tra của cả nước nói chung.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung ở trạng thái ổn định tốt và có hiệu quả. Ngoài Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF360 còn trong quá trình sửa chữa và hoàn thiện, các Xí nghiệp đông lạnh khác đã được cải tạo, nâng cấp đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình sản xuất được điều chỉnh hợp lý để tăng năng suất lao động, giảm định mức và tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm thực hiện nghiêm chỉnh qua các hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ. Công tác thống kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát hàng tồn kho thực hiện

tốt, đảm bảo đúng quy trình luân chuyển hàng hoá. Công tác quản lý chi phí sản xuất được quan tâm thực hiện

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh (%)	
				2013/2012	TH/KH
Tổng doanh thu	2.791 tỷ	3.000 tỷ	3.056 tỷ	109 %	102 %
LN trước thuế	42,07 tỷ	120 tỷ	37.30tỷ	89 %	31 %
Sản lượng XK	28.448 tấn	33.000 tấn	35.182 tấn	124 %	107 %
KNXK (USD)	92,15 triệu	110 triệu	110.44 triệu	120 %	100 %

• **Tình hình thực hiện so với kế hoạch :**

Các chỉ tiêu kế hoạch như sản lượng, kim ngạch xuất khẩu, doanh thu đều đạt, trừ chỉ tiêu lợi nhuận là không đạt như kỳ vọng. Nguyên nhân chính là xu hướng giá cá tiếp tục giảm trong tình hình kinh tế thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng, thị trường xuất khẩu ngày càng thu hẹp, dẫn đến kết quả là các doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh lẫn nhau bán giảm giá; hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt thấp. Ngoài ra, do Công ty phải trích quỹ dự phòng rủi ro và chi xây dựng cơ bản cải tạo nâng cấp các xí nghiệp đông lạnh.

• **Tổ chức và nhân sự**

Danh sách Ban điều hành :

Ban Tổng giám đốc:

Ông Nguyễn Văn Ký:

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN KÝ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	24/02/1958
Nơi sinh:	TP Hồ Chí Minh
CMND:	022868620
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	0903939763
Trình độ chuyên môn:	Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre

	Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài gòn Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	Không
+ Đại diện sở hữu:	
+ Cá nhân sở hữu:	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông Phù Thanh Danh:

Họ và tên:	Phù Thanh Danh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10.02.1967
Nơi sinh:	An giang
CMND:	024330831, ngày cấp 25.03.2005, nơi cấp: CA TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	21 Hưng Thái, P.Tân Phong, Q7, TPHCM

Số ĐT liên lạc:	0903813888
Trình độ chuyên môn:	Kỹ Sư Thủy Sản
Quá trình công tác:	1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Phó Tổng Giám Đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	200.386 cổ phần, chiếm 0,78 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	 cổ phần, chiếm...% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	 cổ phần, chiếm...% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông Võ Thành Thông:

Họ và tên:	VÕ THÀNH THÔNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05-12-1967
Nơi sinh:	Tây Ninh
CMND:	351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số ĐT liên lạc:	0913128909
Trình độ chuyên môn:	Tốt nghiệp Đại học TC-KT TP.HCM năm 1989
Quá trình công tác:	Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	31.384 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	 cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông Võ Văn Phong:

Họ và tên:	Võ Văn Phong
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01 – 04 – 1975
Nơi sinh:	Xã Thới Thạnh, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre

CMND:	362369683, ngày cấp 23/12/2008, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	127/24 Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Số ĐT liên lạc:	0903873877
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ
Quá trình công tác:	Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Cty Proconco Cần Thơ Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng nuôi thủy sản Cty Aquaservice Từ 2008 – 2013 : Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam Từ 2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách nuôi trồng, Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương - Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	5.000 cổ phần, chiếm 0,019 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	 cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	 cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Kế toán trưởng**Ông Huỳnh Minh Thống**

<i>Họ và tên:</i>	HUỲNH MINH THỐNG
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	10-10-1976
<i>Nơi sinh:</i>	Tiền Giang
<i>CMND:</i>	311483336, ngày cấp 08/11/2008, nơi cấp: Tiền Giang
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	111 Lý Công Uẩn, Phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0918575775
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM năm 1998
<i>Quá trình công tác:</i>	Tháng 08/1998 đến nay: làm việc tại Cty Agifish
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Kế toán trưởng
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):</i>	0
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	0
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	0
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	

Thay đổi trong Ban điều hành :

Theo Nghị quyết số 6A/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 03/05/2013 :

- Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với **Ông Phan Hữu Tài** và **Ông Lê Văn Điệp** kể từ ngày 04/05/2013.
- Bổ nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với **Ông Võ Văn Phong** kể từ ngày 04/05/2013.

Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2013)

- Tổng số lao động cuối kỳ: 3.124 người (nữ 1.628)
- Tăng trong kỳ: 1.625 người
- Giảm trong kỳ: 1.486 người
- Lao động có trình độ chuyên môn:
 - * Đại học 162 người
 - * Cao đẳng 27 người
 - * Trung cấp 138 người

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, nhờ hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh nên bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước.

- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, bệnh tật.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn :

Tổng số tiền thu ròng từ đợt chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu trong năm là 151.924.344.000 đồng được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty mà cụ thể là bổ sung vốn để đầu tư phát triển cũng như mở rộng vùng nuôi hiện có

• **Vùng nuôi tại An Giang**

Vùng nuôi An Giang là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang. Tọa lạc tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất.

Với diện tích mặt đất là 566.414 m², trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 69,51% diện tích mặt đất, tương đương 393.725 m². Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 23.623 tấn/năm.

- **Vùng nuôi tại Cần Thơ**

Vùng nuôi Cần Thơ là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang. Tọa lạc tại xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất.

Với diện tích mặt đất là 508.846 m², trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 59,84% diện tích mặt đất, tương đương 304.498 m². Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 18.270 tấn/năm.

- **Vùng nuôi tại Đồng Tháp**

Vùng nuôi Đồng Tháp là một trong những vùng nuôi của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang. Tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, đây là vùng nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất.

Với diện tích mặt đất là 136.500 m², trong đó diện tích mặt nước chiếm khoảng 71,22% diện tích mặt đất, tương đương 97.210 m². Hàng năm, vùng nuôi này mang lại cho Agifish sản lượng khoảng 5.833 tấn/năm.

b) Các công ty con , công ty liên kết :

Công ty có công ty con là M&T Seafood's Corp. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

M&T Seafood's Corp. được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 422/BKH-ĐTRNN ngày 15 tháng 2 năm 2011. Hoạt động chính của công ty là làm đầu mối phân phối, xuất nhập khẩu, mua bán tiếp thị các sản phẩm thủy hải sản, thực phẩm tại thị trường Hoa Kỳ và các thị trường khác. Công ty có trụ sở đặt tại số 224 Cheris Drive, thành phố San Jose, Bang California, Hoa Kỳ.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.564.982.054.220	2.250.909.069.163	43.83%
Doanh thu thuần	2.791.454.488.950	3.056.402.745.597	9.49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.823.198.162	38.277.116.356	-21.60%
Lợi nhuận khác	-6.756.280.603	-973.801.593	-85.59%
Lợi nhuận trước thuế	42.066.917.559	37.303.314.763	-11.32%

Lợi nhuận sau thuế	33.960.534.179	21.331.849.907	-37.19%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1.27	1.28	
- Hệ số thanh toán nhanh <i>TSLĐ- Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	0.53	0.69	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.58	0.64	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1.38	1.75	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Gía vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	3.95	3.56	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.78	1.36	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.012	0.007	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.052	0.026	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.022	0.009	
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0.015	0.007	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần :

o Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.544.450 cp

o Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cp

b) Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 04/03/2014)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1. Cổ đông Nhà nước	2.106.266	8,24
2. Cổ đông đặc biệt		
- HDQT	381.779	1,49
- BGD	231.770	0,9
- BKS		
3. Cổ đông CB – CNV Công Ty	627.985	2,46
4. Cổ phiếu quỹ		
5. Cổ đông ngoài Công Ty	24.926.465	97,54
a. Cổ đông trong nước	24.560.385	96,11
- Tổ chức	15.693.771	61,41
- Cá nhân	8.866.614	34,70
b. Cổ đông nước ngoài	366.080	1,44
- Tổ chức	179.610	0,71
- Cá nhân	186.470	0,73

b. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.106.266	8,24 %
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Việt Nam.	13.136.932	51,41%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển, ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty, nhằm nâng cao năng lực tài chính, chủ động nguồn nguyên liệu, từ đó nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng tính cạnh tranh của Agifish trên thị trường. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 12.695.162 cổ phiếu, chiếm 98,72% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Tổng thu ròng từ đợt chào bán là 151.924.344.000 đồng được dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty mà cụ thể là bổ sung vốn để đầu tư phát triển cũng như mở rộng vùng nuôi hiện có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Nhằm hoàn thành thủ tục chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03/05/2013. Công ty đã bán toàn bộ 80.000 cổ phiếu quỹ với giá giao dịch bình quân là 35.000 đồng/cổ phiếu ngày 18/06/2013 theo phương thức giao dịch thoả thuận lô lớn tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

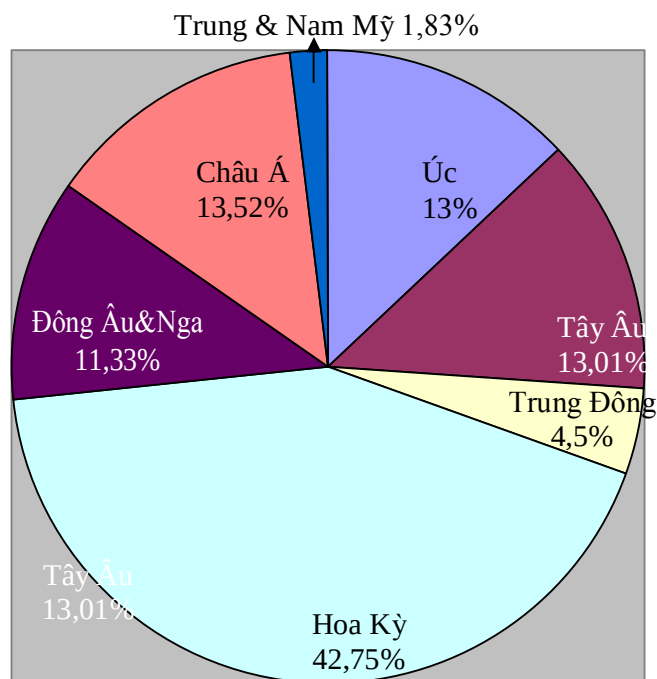
e) Các chứng khoán khác : không có.

III . Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

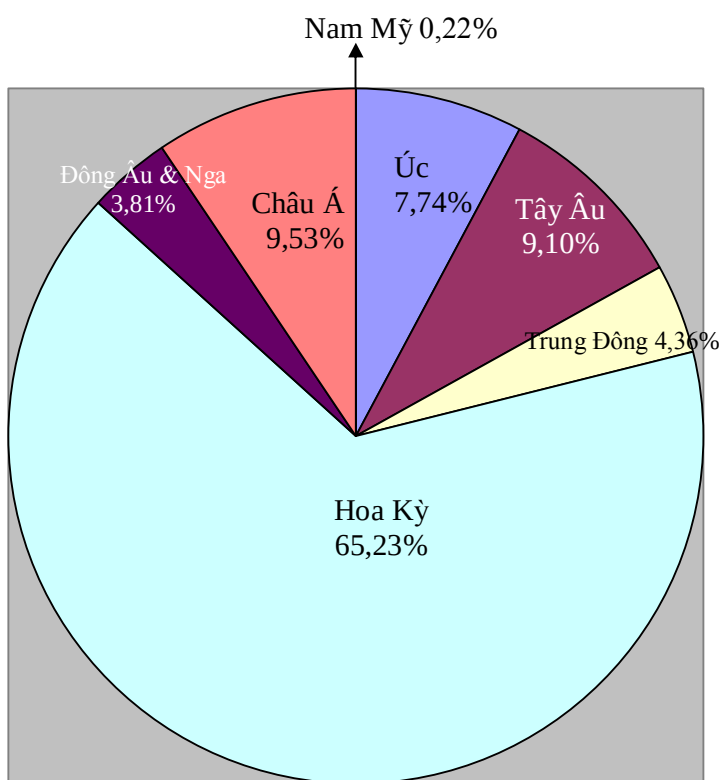
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung ở trạng thái ổn định tốt và hiệu quả, mặc dù xuất khẩu cá tra sang các thị trường vẫn còn nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế thế giới. Các Xí nghiệp đông lạnh đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhờ có kế hoạch đầu tư đúng hướng, chủ động được nguồn nguyên liệu nên Công ty đã vượt kế hoạch sản lượng xuất khẩu đề ra, đáp ứng tiến độ giao hàng của các hợp đồng xuất khẩu. Agifish có cơ hội thuận đầy mạnh xuất hàng sang Hoa Kỳ khi Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố kết quả cuối cùng đợt xem xét hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 8 (POR8) giai đoạn từ 1/8/2010 đến 31/7/2011 đối với mặt hàng cá tra phi lê đông lạnh của Việt Nam với các mức thuế chống bán phá giá đối với cá tra phi lê Việt Nam tăng cao do DOC thay đổi quốc gia tham chiếu để tính mức phá giá từ Bangladesh sang Indonesia (một nước có sản lượng cá tra nuôi không đáng kể nên giá thành sản xuất của nước này cao hơn rất nhiều so với của Việt Nam). Riêng Công ty Agifish, không có tên trong danh sách bị đơn của đợt xem xét lần này (POR8) nên vẫn chịu mức thuế 0,02USD/kg. Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm 2013, tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ làm cho giá bán ngày càng giảm, kinh doanh ngày càng gặp khó khăn hơn khi Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố kết quả sơ bộ đợt xem xét hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 9 (POR9) vào tháng 9/2013 cho AGF thông qua Công ty cổ phần Hùng Vương là 2,15 USD/kg.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2012



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2013



Sản phẩm giá trị gia tăng của Agifish tiếp tục được bình chọn là “ Hàng Việt Nam chất lượng cao 2014 ” , tiêu thụ mạnh trong mạng lưới các đại lý trên toàn quốc đặc biệt là các hệ thống siêu thị Metro, Coop-mart, Big C,... Doanh thu sản phẩm giá trị gia tăng đạt 108 tỷ đồng, sản lượng 2.220 tấn.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, giữ được uy tín và mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng, vốn cho sản xuất kinh doanh vẫn được đảm bảo. Trong quý III/2013, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, giá phát hành 12.000 đ/cp : kết quả có 12.695.162 cp đã được các nhà đầu tư đặt mua trên tổng số cổ phiếu chào bán 12.859.288 cp, tỷ lệ chào bán đạt 98,72 %. Tổng số tiền thu được 152.341.944.000 đồng. Sau phát hành , ba cổ đông lớn chiếm 80% cổ phần :

- Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước : 8,24%
- Công ty Cổ phần Hùng Vương: 51,41%
- Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình : 20,35 %

Với kết quả phát hành cổ phiếu thành công nêu trên, Công ty đã nâng vốn điều lệ từ 128.592.880.000 đồng lên 255.544.500.000 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được Ban Tổng giám đốc quan tâm hàng đầu, đồng thời triển khai đến cấp quản lý cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh các hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo quy trình sản xuất. Ban TGD chỉ đạo thống nhất chung về tiêu chuẩn chất lượng cho phù hợp với từng thị trường cụ thể và xem đây là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Công tác quản lý chi phí sản xuất đạt được nhiều tiến bộ đáng kể, góp phần hạ giá thành sản phẩm. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý đã tinh gọn, hoạt động hiệu quả hơn

Đồng thời chủ động hơn về nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty đã có chiến lược đẩy mạnh phát triển vùng nuôi sao cho nâng tỷ lệ chủ động từ 40 - 50% lên đến 70% trong những năm sắp tới. Agifish luôn tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật và an toàn vệ sinh thực phẩm để cá nuôi đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Ngoài ra, phát triển vùng nguyên cón nhằm kiểm soát những rủi ro như :

- Chất lượng nguyên liệu mua ngoài có thể không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế như ASC, BAP
- Nguồn cung có thể không ổn định, nông dân có thể tạm dừng việc nuôi cá khi giá thành nuôi cá tăng cao hơn giá bán
- Giá cá mua ngoài có thể biến động lớn, không ổn định so giá thành nuôi cá của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Năm 2014 phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu của Công ty lên 120 – 150 ha, đáp ứng được 70% nhu cầu nguyên liệu đạt tiêu chuẩn ASC, BAP...cho các XNDL bằng các hình thức Công ty tự nuôi và liên kết với các hộ ngư dân.

Các nhà máy nỗ lực tăng năng suất, sản lượng để giảm chi phí sản xuất từ 10- 20%, ổn định chất lượng sản phẩm. Xây dựng danh mục hàng giá trị gia tăng có ưu thế cạnh tranh để định hướng phát triển sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

Củng cố và phát triển các thị trường truyền thống bằng chất lượng và giá thành cạnh tranh. Năm 2014 quan tâm đến thị trường Nga, Đông Âu, Trung Quốc.

Các chỉ tiêu kế hoạch 2014

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2013	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH 2014
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng xuất khẩu (NET)	tấn	33.000	35.182	33.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa				
	- Hàng chế biến GTGT				
	+ Sản lượng	tấn	2.200	2.220	2.200
	+ Doanh thu	tỷ đồng	110	108	110
II	CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	110.000.000	110.440.450	110.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	10.000.000	31.720	10.000.000
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.000	3.056	3.000
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.880	3.019	2.880
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	120	37	120
IV	KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng lao động	Người	3.100	3.124	3.100
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	4.500.000	4.500.000	4.500.000

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán.

IV . Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã vượt qua khó khăn, đạt và hoàn thành một số các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2013. Kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra : tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm,

mở rộng thị trường, giảm chi phí; vươn lên giữ vị trí thứ hai trong số doanh nghiệp xuất cá tra Việt Nam.

Biến động lao động trong năm rất lớn nên việc triển khai thực hiện kịp thời các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tăng tiền ăn giữa ca cho công nhân trong tình hình lạm phát giá cả tăng cao làm cho người lao động gắn bó với Công ty hơn, góp phần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, Tổng giám đốc đã đề nghị Hội đồng quản trị phê chuẩn việc bổ nhiệm 1 phó Tổng giám đốc mới và miễn nhiệm 2 phó Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc đã lãnh đạo thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 và của Hội đồng quản trị.

Năm 2013, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ khi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung ở trạng thái ổn định tốt và có hiệu quả. Tình hình tài chính của Công ty nhìn chung ổn định, vốn dành cho sản xuất kinh doanh được đáp ứng đầy đủ. Qua đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công, uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, năng lực cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành cũng được tăng lên đáng kể.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thống nhất cao về định hướng kế hoạch kinh doanh 2014 : tình hình khó khăn vẫn còn, thiếu hụt cả nguyên liệu ngày càng trầm trọng. Nhưng nếu Công ty chủ động được nguyên liệu, làm tốt công tác thị trường, tăng cường bán buôn thì cũng là cơ hội tốt để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao vì hiện nay nhiều doanh nghiệp không trụ vững được do thiếu vốn lẫn nguồn nguyên liệu bởi người dân treo ao mà doanh nghiệp lại không đủ nguồn lực tài chính để tự thả nuôi. Vì vậy, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 không tăng trưởng so với 2013. Dự phòng cho tình huống Bộ thương mại Hoa Kỳ (DOC) công bố mức thuế chống bán phá giá cho AGF trong kỳ xem xét hành chính POR9 ở mức cao, thị trường Hoa Kỳ gặp khó khăn, Công ty sẽ định hướng lại thị trường xuất khẩu trong năm 2014. Trong đó chú trọng nhiều đến thị trường Đông Âu, Nga, Trung Quốc

Theo kế hoạch chung của Tập đoàn Hùng Vương : sẽ cung ứng hàng nông thủy sản vào hệ thống chợ của H&T tại Mỹ, xí nghiệp đông lạnh 360 của Agifish chuyên sản xuất hàng giá trị gia tăng tiêu thụ trong hệ thống các siêu thị ở thị trường nội địa, cần phải đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng xuất khẩu. Xí nghiệp đông lạnh 360 xây dựng danh mục hàng hoá xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế để có thể tham gia sản xuất một số mặt hàng cung ứng cho chương trình này của Tập đoàn.

V . Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên: 6 người. Trong đó:

+ Thành viên bên trong : 3 người

+ Thành viên bên ngoài : 3 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	
4. Phù Thanh Danh	Thành viên	2013 – 2018	
5. Võ Thành Thông	Thành viên	2013 – 2018	
6. Nguyễn Văn Khải	Thành viên	2013 - 2018	Thành viên độc lập

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên:

Ông Ngô Phước Hậu

Họ và tên:	NGÔ PHƯỚC HẬU
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08 – 06 – 1956
Nơi sinh:	Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, An Giang
CMND:	350624332 ngày cấp 05 – 03 - 2001, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	0913834615
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư sinh hoá
Quá trình công tác:	1995 – 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An giang 2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	- Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Thành viên Hội đồng quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội chế biến và xuất khẩu

	thủy sản Việt Nam (VASEP)
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	150.009 cổ phần, chiếm 0,60 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	
+ Cá nhân sở hữu:	150.009 cổ phần, chiếm 0,60% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Ông Dương Ngọc Minh

Họ và tên:	DƯƠNG NGỌC MINH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22 – 10 – 1956
Nơi sinh:	TP.Hồ Chí Minh
CMND:	021997925, ngày cấp 20 - 10 – 2003 nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	0903 311 111
Trình độ chuyên môn:	Kinh doanh
Quá trình công tác:	Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải. Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương. Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	13.136.932 cổ phần, chiếm 51,41 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	13.136.932 cổ phần, chiếm 51,41 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Ông Nguyễn Văn Ký (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông Phù Thanh Danh (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông Võ Thành Thông (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông Nguyễn Văn Khải

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN VĂN KHẢI
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	04-11-1967
<i>Nơi sinh:</i>	
<i>CMND:</i>	021680111, ngày cấp 13/08/2011, nơi cấp: TPHCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	115/863A, Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0838406868
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Quản lý Công nghiệp
<i>Quá trình công tác:</i>	Tháng 06/1994 – 06/1995: Trợ lý Tổng giám đốc

	Công ty LD VU TRAC Từ tháng 06/1995 đến 1996: Kỹ sư, Công ty LD VU TRAC Từ tháng 12/1998 đến tháng 9/2005 : Giám đốc điều hành Công ty TNHH Xuyên Thái Bình Từ 10/2005 đến nay : Tổng giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình.
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán SSI
<i>Số CP nắm giữ :</i>	5.200.000 cổ phần, chiếm 20,35% vốn điều lệ
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	5.200.000 cổ phần, chiếm 20,35 % vốn điều lệ
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:</i>	

b) Các tiểu ban của Hội quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT:

+ Hội đồng quản trị lần thứ 49 ngày 01/03/2013 để thảo luận; quyết định về việc tạm ứng cổ tức năm 2012 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Sau khi thảo luận HĐQT đã nhất trí kết luận cuộc họp với các nội dung như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26/04/2013 tại Hội trường Văn phòng Công ty Agifish, số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Chi tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% /mệnh giá ngày 22/04/2013.

Ngày 18/03/2013 Hội đồng quản trị có gửi thông báo đến UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TPHCM cùng toàn thể cổ đông dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 là ngày 03/05/2013.

+ Hội đồng quản trị lần thứ 50 ngày 04/04/2013 để thảo luận và thống nhất điều chỉnh một số nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013. kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013, thành lập Công ty kiểm nghiệm, Công ty cổ phần bột cá An Minh-Long Xuyên.

- Thống nhất thành lập Công ty kiểm nghiệm làm dịch vụ kiểm nghiệm vi sinh, kháng sinh hàng nông sản, thủy sản cho các nhà máy chế biến của Công ty cũng như các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty có nhu cầu kiểm nghiệm. Bộ máy quản lý điều hành của Công ty kiểm nghiệm do Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm theo điều lệ của Công ty
- Thống nhất thành lập Công ty cổ phần chế biến bột cá An Minh – Long Xuyên có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Agifish tham gia góp vốn 30 % tương đương 15 tỷ đồng cùng với ông Phan Thông Minh góp vốn 35% tương đương 17,5 tỷ đồng và ông Mã Minh Quang góp vốn 35% tương đương 17,5 tỷ đồng. Ngành nghề hoạt động của Công ty CP chế biến bột cá An Minh - Long Xuyên : sản xuất bột cá và mỡ cá; mua bán bột cá và mỡ cá; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản; mua bán thủy sản. Cử Ông Nguyễn Văn Ký - Tổng giám đốc Công ty Agifish – đại diện phần góp vốn của Công ty Agifish tại Công ty cổ phần chế biến bột cá An Minh – Long Xuyên.
- Thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 theo đề nghị của Tổng giám đốc, trình Đại hội đồng cổ đông 2013.
- Thống nhất phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 : phát hành 12.859.288 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1: 1 với giá 12.000 đ/cp.

+ Hội đồng quản trị ngày 18/04/2013 để thông qua việc bổ sung thêm nội dung vào chương trình họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 : HĐQT xét thấy nhiệm kỳ của các thành viên trong HĐQT cũng như trong BKS không đồng nhất, vì vậy HĐQT đề xuất Đại hội thông qua việc miễn nhiệm các Thành viên HĐQT và BKS thuộc nhiệm kỳ cũ và tiến hành bầu mới Thành viên HĐQT và BKS theo nhiệm kỳ mới 2013 – 2018 theo quy định của pháp luật hiện hành

+ Hội đồng quản trị lần thứ 51 ngày 03/05/2013 để bầu và bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo Công ty

+ Hội đồng quản trị lần thứ 52 ngày 07/05/2013 để thảo luận và thống nhất việc bán lại cổ phiếu quỹ nhằm hoàn thành thủ tục chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03/05/2013.

+ Hội đồng quản trị lần thứ 53 ngày 06/06/2013 để thảo luận và xem xét hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 do Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn tư vấn.

+ Hội đồng quản trị lần thứ 54 ngày 25/10/2013 : họp thường kỳ quý III/2013

- Đăng ký niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung số lượng 12.695.162 cổ phiếu của đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu nhằm đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm này vào giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- Giao quyền cho Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị Sở KH&ĐT tỉnh An Giang thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang với số vốn từ 128.592.880.000 đồng lên 255.544.500.000 đồng theo đúng quy định của pháp luật.
- Cho phép chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty con (M&T SEAFOOD' S CORP) tại Hoa Kỳ, thực hiện trong quý IV/2013

+ Hội đồng quản trị lần thứ 55 ngày 27/12/2013 : họp thường kỳ quý IV/2013 để sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh 2013, kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 theo đề nghị của Tổng giám đốc :

- Sản lượng xuất khẩu:	33.000 tấn
- Hàng GTGT:	2.200 tấn
- Kim ngạch xuất khẩu:	110 triệu USD
- Kim ngạch nhập khẩu:	10 triệu USD
- Doanh thu	3.000 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	120 tỷ đồng
- Tổng lao động	3.100 người
- Thu nhập bình quân	4.500.000 đ/người/tháng.

- Tiếp tục tìm đối tác để chuyển nhượng lại cổ phần của Công ty M&T Seafood's Corp tại Mỹ trong thời gian tới. Việc này sẽ được thực hiện song song với việc xin phép Bộ kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	8	100%	
2	Dương Ngọc Minh	P.Chủ tịch	8	100%	
3	Nguyễn Văn Ký	P.Chủ tịch	8	100%	
4	Phù Thanh Danh	TV	8	100%	
5	Võ Thành Thông	TV	8	100%	
6	Nguyễn Văn Khải	TV	5	62.5%	Được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 bầu vào HĐQT ngày 03/05/2013

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT-2013	01/03/2013	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và tạm ứng cổ tức năm 2012
2	02/NQHĐQT-2013	04/04/2013	Góp vốn thành lập Công ty cổ phần chế biến bột cá An Minh – Long Xuyên có vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Cử người đại diện phân vốn góp.
3	03/NQHĐQT-2013	04/04/2013	Thành lập Công ty kiểm nghiệm làm dịch vụ kiểm nghiệm vi sinh, kháng sinh hàng nông, thủy sản
4	04/NQHĐQT-2013	04/04/2013	Điều chỉnh kế hoạch SXKD 2013 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
5	05/NQHĐQT-2013	18/04/2013	Thông qua việc bổ sung thêm nội dung vào chương trình họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2013

6	06/NQHĐQT-2013	03/05/2013	Thông qua việc đề bầu và bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo Công ty
7	06A/NQHĐQT-2013	03/05/2013	Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo Công ty
8	07/NQHĐQT-2013	22/05/2013	Thông qua việc bán lại cổ phiếu quỹ của Công ty
9	08/NQHĐQT-2013	06/06/2013	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
10	09/NQHĐQT-2013	25/10/2013	Đăng ký niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung số lượng 12.695.162 cổ phiếu của đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Giao quyền cho Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị Sở KH&ĐT tỉnh An Giang thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang với số vốn từ 128.592.880.000 đồng lên 255.544.500.000 đồng Cho phép chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty con (M&T SEAFOOD' S CORP) tại Hoa Kỳ, thực hiện trong quý IV/2013
	10/NQHĐQT-2013	27/12/2013	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 theo đề nghị của Tổng giám đốc Tiếp tục tìm đối tác để chuyển nhượng lại cổ phần của Công ty M&T Seafood's Corp tại Mỹ trong thời gian tới.

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán năm 2013.

2 . Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Lê Nam Hải:

Họ và tên:	LÊ NAM HẢI
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/07/1971
Nơi sinh:	Hải Dương
CMND:	022341792 ngày cấp 20 – 02 - 2008, nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	43 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, Tp HCM
Số ĐT liên lạc:	0902838383
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính, kế toán
Quá trình công tác:	
+ Từ 1993 đến 1998:	Ngân hàng TMCP Quế Đô
+ Từ 1998 đến 2010:	Công ty kiểm toán AASC
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	
+ Đại diện sở hữu:	
+ Cá nhân sở hữu:	
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông Nguyễn Thanh Tùng:

Họ và tên:	NGUYỄN THANH TÙNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/05/1983
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	012345319 ngày cấp 28/06/2000, nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

<i>Địa chỉ thường trú:</i>	42 Ấu Triệu, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	0733854245
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
<i>Quá trình công tác::</i>	Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên giao dịch Tiền tệ Ngoại hối – Trung tâm Nguồn vốn – Ngân hàng TMCP Techcombank Từ 2007 đến 2009 :Chuyên viên tư vấn – Bộ phận dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) Từ 2009 đến 2011 : Chuyên viên Tư vấn – Bảo lãnh phát hành – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI) Từ 2011 đến nay Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thủy sản Bến Tre
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):</i>	100 cp
<i>+ Đại diện sở hữu:</i>	
<i>+ Cá nhân sở hữu:</i>	
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết</i>	Không có
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Cô Triệu Nguyễn Ngọc Minh

Họ và tên:	TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	11/08/1985
Nơi sinh:	Rạch Giá – Kiên Giang

CMND:	361973782 ngày cấp 05 – 09 - 2000, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ
Số ĐT liên lạc:	01684641900
Trình độ chuyên môn:	Cử Nhân Kinh Tế
Quá trình công tác: + Từ 01/09/2008 đến nay:	Cty XNK Thủy Sản An Giang 1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Nhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay):	
+ Đại diện sở hữu:	
+ Cá nhân sở hữu:	
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty theo quy định của của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3 . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2013 như sau:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

- Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	AGIFISH	cổ phiếu quỹ	80.000	0,62%	0		bán
02	Võ Văn Phong	Phó Tổng giám đốc	0		5,000		mua
03	Triệu Thị Tươi	vợ ông Võ Phước Hưng (nhân viên công bố thông tin)	501		1.101		mua

V . Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Công ty có công ty con là M&T Seafood's Corp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	
Ông Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên	
Ông Phù Thanh Danh	Thành viên	
Ông Võ Thành Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2013 và từ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nam Hải	Trưởng ban	
Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2013
Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2013

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám đốc	
Ông Phù Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Thành Thông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2013
Ông Phan Hữu Tài	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2013
Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Ký.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám Đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

Số tham chiếu: 60932158/16364438

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang và công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty có các khoản nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu liên quan đến thuế chống bán phá giá ("ADT"). Từ tháng 7 năm 2004, theo yêu cầu của luật ADT của Bộ Thương mại Mỹ ("BTM Mỹ"), các công ty xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ sẽ chịu các mức thuế suất khác nhau tùy vào kết quả kiểm tra của BTM Mỹ. ADT được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ. Do Công ty xuất khẩu cá tra vào thị trường Mỹ nên Công ty thuộc đối tượng bị chi phối của luật này. Do các kỳ kiểm tra (POR) lần thứ 9 và 10 của BTM Mỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012 và từ ngày 1 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013 chưa được công bố chính thức, kết quả sau cùng của vấn đề này hiện tại chưa thể xác định được, nên Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng cho bất kỳ khoản nợ nào có thể phát sinh liên quan đến vấn đề này trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 0426-2013-004-1



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.820.461.998.681	1.131.636.712.895
110	I. Tiền	4	235.690.051.034	53.830.403.797
111	1. Tiền		85.572.722.680	12.287.376.978
112	2. Các khoản tương đương tiền		150.117.328.354	41.543.026.819
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		703.434.662.156	399.596.332.194
131	1. Phải thu khách hàng	5	596.381.042.282	355.240.516.416
132	2. Trả trước cho người bán	6	155.246.978.733	54.364.103.996
135	3. Các khoản phải thu khác	7	12.574.950.087	21.101.541.025
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,7	(60.768.308.946)	(31.109.829.243)
140	III. Hàng tồn kho	8	848.638.446.101	658.369.953.950
141	1. Hàng tồn kho		852.274.015.101	658.808.507.950
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.635.569.000)	(438.554.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		32.698.839.390	19.840.022.954
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.840.410.572	3.680.459.711
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		20.447.187.829	12.112.703.255
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	5.692.214.773	305.285.424
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	3.719.026.216	3.741.574.564
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		430.447.070.482	433.345.341.325
220	I. Tài sản cố định		411.124.552.072	421.605.872.771
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	312.547.006.997	327.978.978.404
222	Nguyên giá		575.041.217.589	563.333.461.499
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(262.494.210.592)	(235.354.483.095)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	67.145.102.422	67.219.195.051
228	Nguyên giá		67.588.245.044	67.746.421.744
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(443.142.622)	(527.226.693)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	31.432.442.653	26.407.699.316
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	212.600.000	212.600.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		212.600.000	212.600.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		19.109.918.410	11.526.868.554
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.383.866.678	1.460.108.471
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	9.960.301.732	5.401.160.083
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.765.750.000	4.665.600.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.250.909.069.163	1.564.982.054.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.431.097.187.214	906.210.432.079
310	I. Nợ ngắn hạn		1.417.804.654.634	888.912.409.577
311	1. Vay ngắn hạn	16	1.059.019.430.002	675.790.486.223
312	2. Phải trả người bán	17	305.661.962.659	176.005.860.670
313	3. Người mua trả tiền trước		2.087.174.348	609.235.008
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.206.214.889	2.621.563.161
315	5. Phải trả người lao động		25.842.600.078	9.424.485.150
316	6. Chi phí phải trả	19	16.120.239.558	13.708.374.045
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	4.915.268.999	4.387.845.126
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.951.764.101	6.364.560.194
330	II. Nợ dài hạn		13.292.532.580	17.298.022.502
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	13.292.532.580	17.298.022.502
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		819.811.881.949	658.771.622.141
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	819.811.881.949	658.771.622.141
411	1. Vốn cổ phần		255.544.500.000	128.592.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	385.506.013.400
414	3. Cổ phiếu quỹ		-	(1.990.214.484)
415	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	413.653.435
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		80.988.102.710	80.988.102.710
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		12.859.288.000	12.859.288.000
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.622.740.772	50.893.171.529
421	8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.508.727.551	1.508.727.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.250.909.069.163	1.564.982.054.220

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: - Đô la Mỹ (US\$) - Euro (EUR)	3.307.948,13	360.832 5.477

Huỳnh Xuân Vinh
Người lập

Huỳnh Minh Thống
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.060.291.088.268	2.822.671.170.307
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(3.888.342.671)	(31.216.681.357)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	3.056.402.745.597	2.791.454.488.950
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(2.685.185.106.986)	(2.442.837.616.671)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		371.217.638.611	348.616.872.279
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.722.256.349	17.688.114.672
22	7. Chi phí tài chính	25	(46.996.997.058)	(60.714.538.131)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(44.842.274.730)	(60.297.954.240)
24	8. Chi phí bán hàng		(243.117.437.856)	(220.855.405.341)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(59.548.343.690)	(35.911.845.317)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.277.116.356	48.823.198.162
31	11. Thu nhập khác	26	2.718.879.513	2.734.021.669
32	12. Chi phí khác	26	(3.692.681.106)	(9.490.302.272)
40	13. Lỗ khác	26	(973.801.593)	(6.756.280.603)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		37.303.314.763	42.066.917.559
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(20.530.606.505)	(7.650.654.202)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	28.3	4.559.141.649	(455.729.178)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.331.849.907	33.960.534.179
70	18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	22.5	1.383	2.657

Huỳnh Xuân Vinh
Người lập

Huỳnh Minh Thống
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		37.303.314.763	42.066.917.559
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	11,12	40.094.083.355	39.748.715.593
03	Các khoản dự phòng		32.855.494.703	8.782.648.107
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	23.2	(2.578.694.483)	(306.680.029)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(284.195.827)	(2.655.336.229)
06	Chi phí lãi vay	25	44.842.274.730	60.297.954.240
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.232.277.241	147.934.219.241
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(337.594.575.063)	114.225.319.233
10	Tăng hàng tồn kho		(193.465.507.151)	(79.029.993.421)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		145.145.574.394	(7.060.916.300)
12	Giảm chi phí trả trước		514.357.622	388.077.160
13	Tiền lãi vay đã trả		(45.313.172.824)	(61.461.006.787)
14	Thuế TNDN đã nộp	28.2	(28.424.086.694)	(10.116.306.402)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.235.788.757)	(2.725.610.411)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(312.140.921.232)	102.153.782.313
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(33.035.701.804)	(28.581.659.638)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	26	764.090.909	145.454.545
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(212.600.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	69.012.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.330.486.327	5.359.348.796
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(30.941.124.568)	45.722.543.703
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu	22.1	151.924.344.000	-
32	Tái phát hành cổ phiếu quỹ	22.1	2.800.000.000	-
33	Tiền vay đã nhận được		3.305.930.360.167	3.342.148.515.055
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.923.178.549.388)	(3.489.996.021.397)
36	Cổ tức đã trả	22.3	(12.779.288.000)	(12.779.288.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		524.696.866.779	(160.626.794.342)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		181.614.820.979	(12.750.468.326)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.830.403.797	66.578.811.645
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		244.826.258	2.060.478
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	235.690.051.034	53.830.403.797



Huỳnh Xuân Vinh
Người lập



Huỳnh Minh Thống
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 3.127 (31 tháng 12 năm 2012: 2.985).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có công ty con là M&T Seafood's Corp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

M&T Seafood's Corp. được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 422/BKH-ĐTRNN ngày 15 tháng 2 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Hoạt động chính của công ty này là làm đầu mối phân phối, xuất nhập khẩu, mua bán tiếp thị các sản phẩm thủy hải sản, thực phẩm tại thị trường Hoa Kỳ và các thị trường khác. Công ty có trụ sở đặt tại số 224 Cheris Drive, Thành phố San Jose, Bang California, Hoa Kỳ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.5 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 năm
Nhà cửa	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 6 năm
Phần mềm kế toán	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

3.6 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.9 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN 10") và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi các báo cáo tài chính của công ty con của Nhóm Công ty mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ cho mục đích hợp nhất tuân thủ hướng dẫn của CMKTVN 10 như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả (bao gồm các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► **Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu là việc bán các sản phẩm thủy sản. Ban Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Nhóm Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.672.952.403	4.459.738.733
Tiền gửi ngân hàng	76.899.770.277	7.827.638.245
Các khoản tương đương tiền	150.117.328.354	41.543.026.819
TỔNG CỘNG	235.690.051.034	53.830.403.797

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hường lãi suất tiết kiệm áp dụng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	574.347.194.282	331.359.041.231
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	22.033.848.000	23.881.475.185
TỔNG CỘNG	596.381.042.282	355.240.516.416
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.568.308.946)	(20.909.829.243)
GIÁ TRỊ THUẦN	545.812.733.336	334.330.687.173

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.909.829.243	11.375.735.136
Dịch phòng trích lập trong năm	29.658.479.703	9.534.094.107
Số cuối năm	50.568.308.946	20.909.829.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	140.035.771.706	-
Bên thứ ba	15.211.207.027	54.364.103.996
TỔNG CỘNG	155.246.978.733	54.364.103.996

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Phải thu cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần	10.200.000.000	10.200.000.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	2.000.000.000	1.340.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Khác	- 374.950.087	7.668.000.000 1.893.541.025
TỔNG CỘNG	12.574.950.087	21.101.541.025
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.374.950.087	10.901.541.025

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Thành phẩm	605.389.664.197	410.831.093.928
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	164.836.982.560	227.558.034.791
Hàng hóa	57.533.206.815	1.255.243.314
Nguyên vật liệu	23.283.264.818	16.346.550.782
Công cụ, dụng cụ	1.230.896.711	1.771.428.466
Hàng gửi đi bán	-	1.046.156.669
TỔNG CỘNG	852.274.015.101	658.808.507.950
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.635.569.000)	(438.554.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	848.638.446.101	658.369.953.950

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	5.620.759.229	-
Thuế giá trị gia tăng	-	133.282.687
Khác	71.455.544	172.002.737
TỔNG CỘNG	5.692.214.773	305.285.424

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	3.700.426.216	3.722.974.564
Khác	18.600.000	18.600.000
TỔNG CỘNG	3.719.026.216	3.741.574.564

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	147.267.718.371	399.414.978.005	14.022.890.429	2.460.366.032	167.508.662	563.333.461.499
Tăng trong năm	15.036.120.797	9.048.544.073	3.206.838.157	60.329.091	82.000.000	27.433.832.118
<i>Trong đó:</i>						
Mua sắm mới	512.661.379	3.289.618.563	-	60.329.091	82.000.000	3.944.609.033
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.523.459.418	5.758.925.510	3.206.838.157	-	-	23.489.223.085
Thanh lý	-	(9.510.066.345)	(1.127.236.349)	-	-	(10.637.302.694)
Giảm khác (*)	(172.302.996)	(3.518.888.372)	(26.584.091)	(1.224.907.395)	(146.090.480)	(5.088.773.334)
Số cuối năm	162.131.536.172	395.434.567.361	16.075.908.146	1.295.787.728	103.418.182	575.041.217.589
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	7.122.427.748	21.106.858.377	952.977.486	994.773.045	-	30.177.036.656
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	40.490.132.028	185.158.727.941	7.552.591.376	2.090.138.949	62.892.801	235.354.483.095
Khấu hao trong năm	6.492.678.868	32.182.695.363	1.309.999.926	87.432.690	15.908.492	40.088.715.339
Thanh lý	-	(7.753.946.857)	(1.072.974.428)	-	-	(8.826.921.285)
Giảm khác (*)	(112.357.637)	(2.866.969.572)	(26.584.091)	(1.042.084.195)	(74.071.062)	(4.122.066.557)
Số cuối năm	46.870.453.259	206.720.506.875	7.763.032.783	1.135.487.444	4.730.231	262.494.210.592
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	106.777.586.343	214.256.250.064	6.470.299.053	370.227.083	104.615.861	327.978.978.404
Số cuối năm	115.261.082.913	188.714.060.486	8.312.875.363	160.300.284	98.687.951	312.547.006.997

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một số nhà xưởng, máy móc và thiết bị để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Khác	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	67.488.905.744	88.816.000	168.700.000	67.746.421.744
Giảm khác (*)	(116.176.700)	(22.000.000)	(20.000.000)	(158.176.700)
Số cuối năm	<u>67.372.729.044</u>	<u>66.816.000</u>	<u>148.700.000</u>	<u>67.588.245.044</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu trừ hết	-	66.816.000	148.700.000	215.516.000
Giá trị khấu trừ lũy kế:				
Số đầu năm	269.710.693	88.816.000	168.700.000	527.226.693
Khấu trừ trong năm	5.368.016	-	-	5.368.016
Giảm khác (*)	(47.452.087)	(22.000.000)	(20.000.000)	(89.452.087)
Số cuối năm	<u>227.626.622</u>	<u>66.816.000</u>	<u>148.700.000</u>	<u>443.142.622</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>67.219.195.051</u>	-	-	<u>67.219.195.051</u>
Số cuối năm	<u>67.145.102.422</u>	-	-	<u>67.145.102.422</u>

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã phân loại lại giá trị các tài sản cố định vô hình không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	16.759.000.000	-
Mở rộng kho vận	10.598.340.063	11.508.521.881
Mở rộng nhà xưởng	2.149.976.252	14.899.177.435
Mua sắm máy móc thiết bị	1.925.126.338	-
TỔNG CỘNG	<u>31.432.442.653</u>	<u>26.407.699.316</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư VNĐ</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Bông đá Hùng Vương – An Giang	<u>21,260</u>	<u>212,600,000</u>	<u>21,260</u>	<u>212,600,000</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện công cụ dụng cụ và thiết bị có giá trị nhỏ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 2 năm đến 3 năm.

16. VAY NGẮN HẠN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.059.019.430.002	650.300.486.223
Vay ngắn hạn cá nhân	-	25.490.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.059.019.430.002</u>	<u>675.790.486.223</u>

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

16. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức thế chấp
	VNĐ		(%/năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang				
Vay VNĐ	326.549.110.002	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2014 đến ngày 27 tháng 6 năm 2014	6,50 - 7,50	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng và máy móc
Vay USD	81.640.188.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2014 đến ngày 13 tháng 4 năm 2014	2,70 – 3,00	
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay USD	221.582.760.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2014 đến ngày 22 tháng 4 năm 2014	2,70 - 3,00	Các khoản phải thu khách hàng
Vay VNĐ	62.700.000.000	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2014 đến ngày 28 tháng 3 năm 2014	5,85 - 6,00	
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay USD	126.378.000.000	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2014 đến ngày 5 tháng 2 năm 2014	3,00	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang				
Vay USD	79.618.140.000	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2014 đến ngày 5 tháng 6 năm 2014	2,90 - 3,30	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh An Giang				
Vay USD	49.561.239.000	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014	4,00	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang				
Vay USD	86.589.993.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2014 đến ngày 28 tháng 4 năm 2014	4,00	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn				
Vay VNĐ	24.400.000.000	Ngày 25 tháng 5 năm 2014	7,00	Hàng tồn kho và máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	1.059.019.430.002			

Nhóm Công ty sử dụng các khoản tiền vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	164.271.888.710	122.539.584.241
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	141.390.073.949	53.466.276.429
TỔNG CỘNG	305.661.962.659	176.005.860.670

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.005.991.977	343.996.821
Thuế giá trị gia tăng	200.222.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 28.2</i>)	-	2.272.720.960
Khác	-	4.845.380
TỔNG CỘNG	1.206.214.889	2.621.563.161

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nuôi cá	8.605.457.368	5.841.063.935
Chi phí hoa hồng	2.718.271.920	3.056.763.385
Chi phí vận chuyển	2.465.615.320	1.930.588.976
Chi phí lãi vay	875.483.617	1.346.381.711
Chi phí điện nước	756.122.605	649.745.169
Chi phí phải trả khác	699.288.728	883.830.869
TỔNG CỘNG	16.120.239.558	13.708.374.045

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	2.352.617.524	2.352.746.851
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả khác	562.651.475	35.098.275
TỔNG CỘNG	4.915.268.999	4.387.845.126

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	VNĐ
Năm trước									
Số đầu năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	80.988.102.710	11.666.296.650	413.653.435	37.095.799.059	1.508.727.551	643.781.258.321
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	33.960.534.179	-	33.960.534.179
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.779.288.000)	-	(12.779.288.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.192.991.350	-	(1.192.991.350)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.190.882.359)	-	(6.190.882.359)
Số cuối năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	80.988.102.710	12.859.288.000	413.653.435	50.893.171.529	1.508.727.551	658.771.622.141
Năm nay									
Số đầu năm	128.592.880.000	385.506.013.400	(1.990.214.484)	80.988.102.710	12.859.288.000	413.653.435	50.893.171.529	1.508.727.551	658.771.622.141
Phát hành cổ phiếu	126.951.620.000	24.972.724.000	-	-	-	-	-	-	151.924.344.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	809.785.516	1.990.214.484	-	-	-	-	-	2.800.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(413.653.435)	-	-	(413.653.435)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	21.331.849.907	-	21.331.849.907
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.779.288.000)	-	(12.779.288.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.822.992.664)	-	(1.822.992.664)
Số cuối năm	255.544.500.000	411.288.522.916	-	80.988.102.710	12.859.288.000	-	57.622.740.772	1.508.727.551	819.811.881.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Vốn cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Hùng Vương	131.369.320.000	51,41	65.680.000.000	51,08
Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình	52.000.000.000	20,35	26.000.000.000	20,22
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	21.062.660.000	8,24	10.531.330.000	8,19
Các cổ đông khác	51.112.520.000	20,00	26.381.550.000	20,51
TỔNG CỘNG	255.544.500.000	100,00	128.592.880.000	100,00

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	128.592.880.000	128.592.880.000
Tăng trong năm	126.951.620.000	-
Số cuối năm	255.544.500.000	128.592.880.000
Chi trả cổ tức	(12.779.288.000)	(12.779.288.000)

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2013, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành. Theo đó, Công ty đăng ký phát hành 12.859.288 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 theo giá phát hành là 12.000 VNĐ/cổ phiếu. Việc phát hành này được phê duyệt bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 3 tháng 5 năm 2013, và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2013/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2013.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 10 năm 2013, với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 12.695.162 với giá phát hành là 12.000 VNĐ/cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 128.592.880.000 VNĐ lên 255.544.500.000 VNĐ vào ngày 18 tháng 10 năm 2013, và đã được chấp thuận theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 ngày 8 tháng 11 năm 2013.

22.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu được phép phát hành	25.554.450	12.859.288
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	25.554.450	12.859.288
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	(80.000)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	25.554.450	12.779.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	21.331.849.907	33.960.534.179
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	15.429.308	12.779.288
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	1.383	2.657

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Tổng doanh thu	3.060.291.088.268	2.822.671.170.307
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	2.053.464.707.965	2.024.371.608.166
Doanh thu hàng hoá	474.890.010.873	415.506.529.647
Doanh thu hàng phụ phẩm	306.822.682.281	247.459.038.593
Doanh thu bán cá nội địa	182.619.405.310	130.664.896.389
Doanh thu bán cá nguyên liệu	34.790.329.437	-
Doanh thu dịch vụ	4.036.550.091	4.396.527.864
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	3.667.402.311	272.569.648
Trừ:	(3.888.342.671)	(31.216.681.357)
Chiết khấu thương mại	(3.792.721.735)	(8.195.915.720)
Hàng bán bị trả lại	(95.620.936)	(23.020.765.637)
DOANH THU THUẦN	3.056.402.745.597	2.791.454.488.950

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.821.573.366	8.347.185.409
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.578.694.483	306.680.029
Lãi tiền gửi	1.330.486.327	3.754.164.798
Lãi do thanh toán chậm thu từ khách hàng	991.502.173	4.150.084.436
Lãi từ việc thanh lý chứng khoán	-	1.130.000.000
TỔNG CỘNG	16.722.256.349	17.688.114.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Giá vốn cá xuất khẩu	1.721.133.670.286	1.677.090.584.707
Giá vốn hàng hóa	468.050.195.106	405.824.840.757
Giá vốn hàng phụ phẩm	306.819.082.658	244.643.877.892
Giá vốn cá bán nội địa	148.678.201.474	112.784.779.940
Giá vốn bán cá nguyên liệu	34.743.229.497	-
Giá vốn thuốc thú y thủy sản	3.286.730.234	257.007.650
Giá vốn dịch vụ	2.473.997.731	2.236.525.725
TỔNG CỘNG	2.685.185.106.986	2.442.837.616.671

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi tiền vay	44.842.274.730	60.297.954.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.154.722.328	416.583.891
TỔNG CỘNG	46.996.997.058	60.714.538.131

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Thu nhập khác	2.718.879.513	2.734.021.669
Bán phế liệu	1.174.042.974	1.768.754.192
Thu từ thanh lý tài sản cố định	764.090.909	145.454.545
Khác	780.745.630	819.812.932
Chi phí khác	(3.692.681.106)	(9.490.302.272)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(1.810.381.409)	(1.184.283.114)
Chi phí khấu hao của tài sản không sử dụng	(54.084.614)	(63.452.580)
Khác	(1.828.215.083)	(8.242.566.578)
LỖ KHÁC	(973.801.593)	(6.756.280.603)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí nguyên liệu	2.270.227.570.385	3.103.721.427.910
Chi phí nhân công	203.289.803.444	163.944.081.128
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 11 và 12)	40.094.083.355	39.748.715.593
Chi phí khác	338.383.013.215	274.320.556.859
TỔNG CỘNG	<u>2.851.994.470.399</u>	<u>3.581.734.781.490</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hai dự án đầu tư mở rộng sản xuất, Nhóm Công ty được miễn thuế TNDN trong một (1) năm kể từ khi dự án hoàn thành đưa vào sản xuất (năm 2007 và 2008) và được giảm 50% thuế TNDN trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.530.606.505	7.650.654.202
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.559.141.649)	455.729.178
TỔNG CỘNG	<u>15.971.464.856</u>	<u>8.106.383.380</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận chịu thuế:

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.303.314.763	42.066.917.559
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(4.005.489.922)	(2.826.844.423)
Dự phòng đầu tư dài hạn	(3.755.038.898)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(3.052.596.246)	3.264.844.299
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện (đã thực hiện) khi hợp nhất	33.873.814.187	(11.581.378.372)
Lỗ thuế của công ty con	14.121.257.290	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.100.000.000)	-
Thay đổi chi phí phải trả	75.835.935	(3.563.087.874)
Các chi phí không được khấu trừ	13.742.626.726	8.319.908.711
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	83.203.723.835	35.680.359.900
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành theo thuế suất áp dụng	20.800.930.959	7.434.934.283
Ưu đãi thuế TNDN	(1.547.962.885)	(1.376.019.845)
Thuế TNDN kỳ hiện hành ước tính sau ưu đãi	19.252.968.074	6.058.914.438
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.277.638.431	2.957.884.009
Giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư số 140/2011/NĐ-CP	-	(1.366.144.245)
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành sau điều chỉnh	20.530.606.505	7.650.654.202
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.272.720.960	4.738.373.160
Thuế TNDN đã trả trong năm	(28.424.086.694)	(10.116.306.402)
Thuế TNDN (nộp thừa) phải trả cuối năm	(5.620.759.229)	2.272.720.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) có các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng	2.098.248.610	4.533.800.085	(2.435.551.475)	1.744.940.003
Doanh thu chưa thực hiện	122.010.228	-	122.010.228	(91.667.487)
Chi phí phải trả	542.435.370	483.738.329	58.697.041	(612.476.477)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(671.571.174)	-	(671.571.174)	601.548.416
Lợi nhuận chưa thực hiện khi hợp nhất	7.869.178.698	383.621.669	7.485.557.029	(2.098.073.633)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	9.960.301.732	5.401.160.083		
Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			4.559.141.649	(455.729.178)

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
VNĐ			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	313.768.552.061
		Bán hàng hóa	223.112.031.881
		Bán thành phẩm	20.945.860.000
		Chi phí trả hộ	12.300.000.000
		Chi phí thuê kho	7.922.242.497
		Bán cá nguyên liệu	5.338.399.100
		Mua tài sản cố định	3.444.701.034
		Mua nguyên vật liệu	382.800.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Đồng sở hữu	Mua nguyên vật liệu	433.210.436.390
		Mua hàng hóa	58.259.821.488
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	55.740.123.480
		Mua hàng hóa	8.839.833.000
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	51.615.851.613
		Mua hàng hóa	2.125.884.387
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	19.123.722.000
		Mua hàng hóa	54.369.748.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Cho mượn không lãi suất	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Châu Âu	Đồng sở hữu	Mua tài sản cố định	1.476.000.000

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải thu (phải trả)</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thành phẩm và hàng hóa	22.033.848.000
			22.033.848.000
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu	96.839.283.830
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu	36.012.106.620
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hóa	7.184.381.256
			140.035.771.706
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Cho mượn không lãi suất	2.000.000.000
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Đồng sở hữu	Mua nguyên vật liệu	110.745.875.449
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	29.020.598.500
Công ty Cổ phần Châu Âu	Đồng sở hữu	Mua tài sản cố định	1.623.600.000
			141.390.073.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Các bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau.

	VNĐ			
	Xuất khẩu	Nội địa	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.049.671.986.230	1.006.730.759.367	-	3.056.402.745.597
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	650.364.925.350 (650.364.925.350)	-	-
Tổng doanh thu	2.049.671.986.230	1.657.095.684.717 (650.364.925.350)		3.056.402.745.597
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	1.116.014.742.486	211.390.605.725 (436.332.336.735)		891.073.011.476
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.359.836.057.687
Tổng tài sản	1.116.014.742.486	211.390.605.725 (436.332.336.735)		2.250.909.069.163
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	-	312.547.006.997	-	312.547.006.997
Tài sản cố định vô hình	-	67.145.102.422	-	67.145.102.422

Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.993.214.187.341	798.240.301.609	-	2.791.454.488.950
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	758.795.137.454 (758.795.137.454)	-	-
Tổng doanh thu	1.993.214.187.341	1.557.035.439.063 (758.795.137.454)		2.791.454.488.950
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	368.129.251.936	111.209.921.047 (100.414.567.705)		378.924.605.278
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.186.057.448.942
Tổng tài sản	368.129.251.936	111.209.921.047 (100.414.567.705)		1.564.982.054.220
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	-	327.978.978.404	-	327.978.978.404
Tài sản cố định vô hình	-	67.219.195.051	-	67.219.195.051

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thủy sản. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận kinh doanh sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.201.827.291	3.679.083.427
Từ 1 – 5 năm	9.932.094.168	10.180.820.098
Trên 5 năm	45.040.433.250	46.703.732.850
TỔNG CỘNG	59.174.354.709	60.563.636.375

32. NỢ TIỀM TÀNG

Nhóm Công ty có các khoản nợ tiềm tàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu liên quan đến thuế chống bán phá giá ("ADT"). Từ tháng 7 năm 2004, theo yêu cầu của luật ADT của Bộ Thương mại Mỹ ("BTM Mỹ"), các Công ty xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ sẽ chịu các mức thuế suất khác nhau tùy vào kết quả kiểm tra của BTM Mỹ. ADT được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ. Do Công ty xuất khẩu cá tra vào thị trường Mỹ nên Công ty thuộc đối tượng bị chi phối của luật này. Do các kỳ kiểm tra (POR) lần thứ 9 và 10 của BTM Mỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012 và từ ngày 1 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013 chưa được công bố chính thức, kết quả sau cùng của vấn đề này hiện tại chưa thể xác định được. Theo đó, Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng cho bất kỳ khoản nợ nào có thể phát sinh liên quan đến vấn đề này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ngoài trừ các khoản nợ đã được trả dựa trên thuế suất được thông báo trong các POR trước (lần 7 và 8).

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Nhóm Công ty như sau:

		VNĐ
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VNĐ	+ 300	(7.442.555.173)
Đôla Mỹ	+ 50	(2.876.966.521)
VNĐ	- 300	7.442.555.173
Đôla Mỹ	- 50	2.876.966.521
Năm trước		
VNĐ	+ 300	(7.214.479.417)
Đôla Mỹ	+ 50	(1.908.366.783)
VNĐ		
Đôla Mỹ	- 300	7.214.479.417
	- 50	1.908.366.783

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Nhóm Công ty).

Nhóm Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Nhóm Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Nhóm Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Nhóm Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Nhóm Công ty là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ (tiếp theo)

	Thay đổi tỷ giá Đôla Mỹ	VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	+ 2%	(3.902.883.900)
	- 2%	3.902.883.900
Năm trước	+ 2%	(2.664.447.206)
	- 2%	2.664.447.206

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

		VND
	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
Vay ngắn hạn	1.059.019.430.002	1.059.019.430.002
Phải trả người bán	305.661.962.659	305.661.962.659
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	18.120.239.558	18.120.239.558
	1.382.801.632.219	1.382.801.632.219
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Vay ngắn hạn	675.790.486.223	675.790.486.223
Phải trả người bán	176.005.860.670	176.005.860.670
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	18.096.219.171	18.096.219.171
	869.892.566.064	869.892.566.064

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng, máy móc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng (*Thuyết minh số 16*).

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	574.347.194.282	(50.568.308.946)	331.359.041.231	(20.909.829.243)	523.778.885.336	310.449.211.988
Phải thu các bên liên quan	164.069.619.706	-	25.221.475.185	-	164.069.619.706	25.221.475.185
Phải thu khác	10.593.550.087	(10.200.000.000)	19.761.541.025	(10.200.000.000)	393.550.087	9.561.541.025
Tiền và các khoản tương đương tiền	235.690.051.034	-	53.830.403.797	-	235.690.051.034	53.830.403.797
TỔNG CỘNG	984.700.415.109	(60.768.308.946)	430.172.461.238	(31.109.829.243)	923.932.106.163	399.062.631.995

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	1.059.019.430.002	675.790.486.223	1.059.019.430.002	675.790.486.223		
Phải trả bên liên quan	141.390.073.949	53.466.276.429	141.390.073.949	53.466.276.429		
Phải trả cho người bán	164.271.888.710	122.539.584.241	164.271.888.710	122.539.584.241		
Nợ ngắn hạn khác	18.120.239.558	18.096.219.171	18.120.239.558	18.096.219.171		
TỔNG CỘNG	1.382.801.632.219	869.892.566.064	1.382.801.632.219	869.892.566.064		

Giá trị hợp lý của tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Huỳnh Xuân Vinh
Người lập


Huỳnh Minh Thống
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2014

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGÔ PHƯỚC HẬU